Mẫu CBTT-03 (sửa đổi)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT HỢP NHẤT
QUÝ II NĂM 2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *Đơn vị : đồng*

STT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
I.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**703,519,730,990**	**859,448,321,246**
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	103,748,660,422	112,745,960,087
2.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	80,807,550,450	88,446,097,054
3.	Các khoản phải thu ngắn hạn	123,011,218,064	238,901,794,310
4.	Hàng tồn kho	395,311,164,839	416,608,347,428
5.	Tài sản ngắn hạn khác	641,137,215	2,746,122,367
II.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**729,460,579,540**	**783,043,143,737**
1.	Các khoản phải thu dài hạn		13,700,000
2.	Tài sản cố định	76,628,934,466	70,546,663,905
	- Tài sản cố định hữu hình	*58,256,137,171*	*52,212,084,492*
	- Tài sản cố định vô hình	*5,352,361,221*	*3,306,690,185*
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	*13,020,436,074*	*15,027,889,228*
3.	Bất động sản đầu tư	10,749,982,445	10,408,649,225
4.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	624,495,140,602	685,277,848,445
5.	Tài sản dài hạn khác	10,127,863,518	9,413,929,356
6.	Lợi thế thương mại	7,458,658,509	7,382,352,806
III.	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**1,432,980,310,530**	**1,642,491,464,983**
IV.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**411,688,031,040**	**599,650,801,402**
1.	Nợ ngắn hạn	200,874,284,349	393,182,211,101
2.	Nợ dài hạn	210,813,746,691	206,468,590,301
V.	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**1,001,009,161,787**	**1,027,015,606,950**
1.	**Vốn chủ sở hữu**	**986,949,976,685**	**1,010,997,618,559**
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	252,500,000,000	252,500,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	509,135,687,300	509,135,687,300
	- Cổ phiếu quỹ	(68,488,734,176)	(70,809,213,683)
	- Các quỹ	140,690,749,596	232,753,126,952
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	153,112,273,965	87,418,017,990
2.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**14,059,185,102**	**16,017,988,391**
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14,059,185,102	16,017,988,391
VI	**LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**	**20,283,117,703**	**15,825,056,631**
VII	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**1,432,980,310,530**	**1,642,491,464,983**

V.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2009

(Áp dụng với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ)

STT	Chỉ tiêu	KỲ BÁO CÁO	LUỸ KẾ
1.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	101,444,185,601	228,170,815,404
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	920,945,455	3,454,968,729
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	100,523,240,146	224,715,846,675
4.	Giá vốn hàng bán	51,167,855,274	113,324,154,179
5.	**LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**49,355,384,872**	**111,391,692,496**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21,089,893,267	28,529,318,617
7.	Chi phí tài chính	(3,968,569,913)	(4,516,190,013)
8.	Chi phí bán hàng	96,418,543	216,538,643
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13,704,286,246	24,979,811,671
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**60,613,143,263**	**119,240,850,812**
11.	Thu nhập khác	1,640,304,068	4,758,823,736
12.	Chi phí khác	590,106,885	635,263,631
13.	**Lợi nhuận khác**	**1,050,197,183**	**4,123,560,105**
14.	Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Cty liên kết, liên doanh	-	-
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**61,663,340,446**	**123,364,410,917**
16.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10,787,959,743	20,901,255,459
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	50,875,380,703	102,463,155,458
18	Lợi ích cổ đông thiểu số	1,818,110,629	2,829,882,783
19	**Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ (*)**	**49,057,270,074**	**99,633,272,675**
20	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,019.60	3,668.46

(*) Gồm lãi phải chia cho các bên góp vốn đầu tư dự án Bình An 2 (quý 1/2009) *11,200,000,000*

(*) Gồm lãi phải chia cho các bên góp vốn thành lập Cty TNHH XD Phong Đức (quý 2/2009) *866,875,000*

Ngày 22 tháng 7 năm 2009

TM.CTY CP PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC